TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2025/HNGĐ-ST
Ngày 17 - 3 - 2025
"*V/v*: *Không công nhận quan hệ vợ chồng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Lý Đức Quỳnh;
- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Bà Đàm Thị Kim Duyên;
2. Ông Nguyễn Việt Phương;
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà*: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh - Thư ký viên Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Bà Hứa Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 17/3/2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 17/2025/TLST- HNGĐ, ngày 03 tháng 02 năm 2025 về việc "*Không công nhận quan hệ vợ chồng*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04/03/2025, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1990;
- *Bị đơn:* Anh Lý Văn K, sinh năm 1983;

Cùng nơi cư trú: Thôn I M, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. (*Chị T và anh K đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày:***

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị và anh Lý Văn K được tự do tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống, xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong làm ăn phát triển kinh tế, sống với nhau nhưng không tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Chị T và anh K đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2020 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị T xác định mâu thuẫn

giữa chị và anh K đã quá căng thẳng, trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau được. Do chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn nên chị T đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị và anh Lý Văn K là vợ chồng.

- *Về con chung:* Quá trình chung sống chị và anh Lý Văn K có 02 con chung là cháu Lý Thị T1, sinh ngày 10/10/2007 và cháu Lý Quang C, sinh năm 08/7/2009. Chị để anh K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả hai cháu, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, đất đai chung:* Chị và anh Lý Văn K tự thỏa thuận, tự chia, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về công nợ chung:* Chị và anh Lý Văn K không vau nợ ai, không cho ai vay nợ, không đề nghị Tòa án giải quyết.

**** Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Lý Văn K trình bày:***

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh và chị Hoàng Thị T được tự do tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007 đến nay trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn cãi chửi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính cách không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau, anh và chị T đã sống ly thân nhau từ năm 2020 đến nay không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị Hoàng Thị T đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị Hoàng Thị T thì anh nhất trí, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

- *Về con chung:* Anh và chị Hoàng Thị T có 02 con chung là cháu Lý Thị T1, sinh ngày 10/10/2007 và cháu Lý Quang C, sinh năm 08/7/2009. Anh K đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả hai cháu đến khi trưởng thành, không đề nghị chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, đất đai chung:* Anh và chị Hoàng Thị T có một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, tự chia, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về vay nợ chung:* Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương, kết quả thể hiện: Chị Hoàng Thị T và anh Lý Văn K chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi cưới anh K và chị T cư trú tại thôn I M, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nay chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với anh K, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hoà giải về vấn đề con chung. Tại buổi hoà giải, anh K và

chị T thống nhất thoả thuận về vấn đề con chung như sau: Giao con chung là cháu Lý Thị T1, sinh ngày 10/10/2007 và cháu Lý Quang C, sinh năm 08/7/2009 cho anh K trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Tại phiên tòa chị T và anh K có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến trình bày tại Bản tự khai và các tài liệu kèm theo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tống đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Các đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 14, 15, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân và Gia đình; điểm đ khoản 12 Điều Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị T, giải quyết theo hướng:

+ Xử: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Hoàng Thị T và anh Lý Văn K là vợ chồng.

+ Về con chung: Giao cháu Lý Thị T1, sinh ngày 10/10/2007 và cháu Lý Quang C, sinh năm 08/7/2009 cho anh Lý Văn K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Hoàng Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Về tài sản chung, vay nợ chung: Các đương sự đều xác định tự thoả thuận chia tài sản chung và không có nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí và quyền kháng cáo: Đề nghị miễn án phí cho nguyên đơn và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Chị Hoàng Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Lý Văn K, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh K có hộ khẩu thường trú tại thôn I M, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, do đó Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, do nguyên đơn và bị đơn đều có Đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Lý Văn K chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, không tin tưởng, không tôn trọng nhau, đã không sống chung với nhau từ năm 2020 đến nay không còn quan tâm gì đến nhau. Chị T đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh K. Hội đồng xét xử thấy chị T và anh K chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh K là phù hợp với quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội.

* Về con chung: Quá trình chung sống chị T và anh K có 02 con chung, tên là Lý Thị T1, sinh ngày 10/10/2007 và cháu Lý Quang C, sinh năm 08/7/2009. Quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh K đều nhất trí để anh K là người trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu T1 và cháu C cũng có nguyện vọng sống cùng bố. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Lý Thị T1, sinh ngày 10/10/2007 và cháu Lý Quang C, sinh năm 08/7/2009 cho anh K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Chị T không phải thực hiện nghĩa cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

* Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị T và anh Lý Văn K đều xác định có một số tài sản chung nhưng tự thoả thuận, tự chia không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về vay nợ chung: Các đương sự đều xác định không vay nợ ai, không cho ai vay nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn chị Hoàng Thị T là người dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí, nên miễn toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn cho chị T, anh K không phải chịu án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 14, 15, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ - QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị T;

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị T và anh Lý Văn K.

2. Giao con chung là cháu cháu Lý Thị T1, sinh ngày 10/10/2007 và cháu Lý Quang C, sinh năm 08/7/2009 cho anh Lý Văn K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Hoàng Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn chị Hoàng Thị T. Bị đơn anh Lý Văn K không phải nộp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã Yên Phú (Để biết);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lý Đức Quỳnh